

Số: 384 /BNV-CCHC
V/v hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm
để xác định Chỉ số CCHC cấp bộ

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2021

Kính gửi: Các bộ, cơ quan ngang bộ

Thực hiện Quyết định số 1149/QĐ-BNV ngày 30/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” (gọi tắt là Quyết định số 1149/QĐ-BNV), Bộ Nội vụ hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ (gọi tắt là bộ) về việc tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số cải cách hành chính (gọi tắt là Chỉ số CCHC) cấp bộ năm 2020 như sau:

1. Về tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP)

- Căn cứ vào kết quả cải cách hành chính thực tế đạt được, các bộ tiến hành tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP trên cơ sở xem xét, đối chiếu với các tiêu chuẩn hoặc yêu cầu và cách chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP nêu tại Phụ lục (gửi kèm theo).

- Khi các tiêu chuẩn đánh giá quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Phụ lục được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng một văn bản khác thì được áp dụng theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

- Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số CCHC của bộ phải do lãnh đạo bộ phê duyệt, gồm các nội dung sau:

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm TC, TCTP Chỉ số cải cách hành chính của bộ;

+ Giải trình các nội dung tự đánh giá, chấm điểm đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu;

+ Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị (nếu có).

2. Về nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm vào phần mềm

Trên cơ sở báo cáo đã phê duyệt, các bộ tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và các tài liệu kiểm chứng, nội dung giải trình vào phần mềm quản lý chấm điểm Chỉ số CCHC (gọi tắt là phần mềm) theo các bước sau:

- Bước 1: Đăng nhập phần mềm

Các bộ đăng nhập vào phần mềm quản lý chấm điểm Chi số CCHC tại địa chỉ www.parindex.caicachhanhchinh.gov.vn theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Bước 2: Nhập dữ liệu kết quả

Các bộ tiến hành nhập dữ liệu kết quả tự đánh giá, chấm điểm và đính kèm file tài liệu kiểm chứng hoặc giải trình kết quả tự đánh giá, chấm điểm tương ứng với từng TC, TCTP.

- Bước 3: Rà soát kết quả

Sau khi hoàn tất việc nhập kết quả tự đánh giá, chấm điểm, các bộ rà soát lại, bảo đảm tài liệu kiểm chứng và thông tin giải trình đối với từng TC, TCTP phải trùng khớp với nội dung tại báo cáo đã phê duyệt.

- Bước 4: Gửi kết quả

Sau khi hoàn tất các bước trên, các bộ gửi kết quả tự đánh giá, chấm điểm tới Bộ Nội vụ qua phần mềm bằng việc nhấp chuột vào mục “gửi đi” được hiển thị trên phần mềm.

3. Về tài liệu kiểm chứng

- Việc tự đánh giá, chấm điểm của bộ phải kèm theo các tài liệu kiểm chứng (như: báo cáo, kế hoạch, thông báo, quyết định...) được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để xác định mức độ tin cậy của việc tự đánh giá, chấm điểm cho từng TC, TCTP.

- Ngoài việc cung cấp các tài liệu kiểm chứng được liệt kê tại Phụ lục, các bộ có thể bổ sung các tài liệu kiểm chứng khác (nếu có) đủ độ tin cậy để chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm các TC, TCTP.

- Đối với các TC, TCTP không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng không có đầy đủ thông tin kiểm chứng theo yêu cầu, các bộ giải trình rõ về cách đánh giá, tính điểm tại Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chi số CCHC của bộ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin giải trình.

- Các file điện tử của tài liệu kiểm chứng đính kèm trên phần mềm phải là bản chụp của văn bản giấy dưới dạng ảnh (định dạng pdf) hoặc văn bản điện tử có chữ ký số theo quy định.

4. Thời gian thực hiện đánh giá

Các bộ tiến hành tự đánh giá, chấm điểm; phê duyệt báo cáo và hoàn thành việc nhập dữ liệu kết quả vào phần mềm chậm nhất là ngày **26** tháng **02** năm **2021**. Sau thời hạn quy định, phần mềm sẽ tự động khóa.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm

để xác định Chỉ số CCHC năm 2020 của các bộ. Đề nghị các bộ quan tâm bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ xác định Chỉ số CCHC thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các bộ phản ánh về Bộ Nội vụ để kịp thời giải quyết. Địa chỉ liên hệ: Ông Nguyễn Mạnh Cường, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ; điện thoại: 091.252.1464; email: nguyenmanhcuong@moha.gov.vn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Trọng Thừa;
- Các bộ, cơ quan: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Các Vụ: Công chức, viên chức; Tổ chức - Biên chế; Chính quyền địa phương; Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (để thực hiện);
- Lưu: VT, CCHC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Trọng Thừa



Phụ lục

PHỤ LỤC CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP BỘ

(Kèm theo Công văn số 384. /BNV-CCHC ngày 28... /Q1 /2021 của Bộ Nội vụ)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
1.	TC 1.1 - Thực hiện kế hoạch CCHC	Tính tỷ lệ % số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.50}{100\%} \right]$ - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	- Kế hoạch CCHC; - Báo cáo CCHC năm; - TLKC khác (nếu có).
2.	TC 1.2 - Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ	Yêu cầu: Các báo cáo phải đáp ứng đầy đủ số lượng, nội dung và gửi đúng thời gian theo quy định: - Thực hiện đầy đủ về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo theo quy định thì điểm đánh giá là 1; - Nếu không đáp ứng một trong các yêu cầu về số lượng, nội dung và thời hạn báo cáo thì điểm đánh giá là 0.	Các báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, Quý III và báo cáo năm
3.	TCTP 1.3.1 - Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	Tính tỷ lệ % số cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm so với tổng số cơ quan, đơn vị thuộc bộ được nêu trong Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Từ 20% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.5; - Dưới 20% thì điểm đánh giá là 0.	Các thông báo kết luận kiểm tra
4.	TCTP 1.3.2 - Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	- Thống kê: + Tổng số vấn đề phải xử lý (a); + Số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý (b); + Số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).	- Các thông báo kết luận kiểm tra; - Các văn bản thể hiện nội dung đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý đối với từng vấn đề phát hiện qua kiểm tra. - TLKC khác (nếu có).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp có vấn đề phát hiện phải xử lý thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 1.5 + (c/a) * 1.0$ - Trường hợp không có vấn đề phải xử lý sau kiểm tra ($a = 0$) thì điểm đánh giá là 1.5. 	
5.	TC 1.4 - Công tác tuyên truyền CCHC	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong ba hình thức sau: (1) Tổ chức các hội nghị, tập huấn chuyên đề CCHC; (2) Đăng tải thông tin CCHC trên website của bộ; (3) Tuyên truyền CCHC trên phát thanh, truyền hình, thì điểm đánh giá là 0.5; - Ngoài các hình thức trên, nếu tuyên truyền CCHC bằng ít nhất một trong số các hình thức khác, như: Tổ chức cuộc thi tìm hiểu về CCHC; tọa đàm về CCHC; sân khấu hóa hoặc các hình thức tuyên truyền mới, sáng tạo khác, thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM là 0.5. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo CCHC định kỳ; - Cung cấp các đường link tới tin, bài, hình ảnh đã tuyên truyền về CCHC trên website; - TLKC khác (nếu có).
6.	TC 1.5 - Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Các sáng kiến hoặc giải pháp, cách làm mới trong CCHC phải đáp ứng yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> + Lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong NỘI BỘ của bộ; + Đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của bộ. - Nếu có sáng kiến hoặc giải pháp mới thì điểm đánh giá là 1; không có sáng kiến thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản phê duyệt triển khai các giải pháp mới trong thực hiện các nội dung CCHC; - Các văn bản công nhận sáng kiến của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).
7.	TC 1.6 Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	Không bắt buộc thực hiện tự chấm đối với tiêu chí này. Bộ Nội vụ sẽ căn cứ vào Báo cáo của Tổ công tác của TTg để chấm, cho điểm theo các thang điểm đã quy định.	Báo cáo của Tổ công tác của TTg
8.	TC 2.1 - Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) theo chương trình xây dựng pháp luật đã	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thống kê: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số VBQPPL dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành. + Số VBQPPL đã được ban hành hoặc đã được trình cấp có thẩm 	<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình xây dựng VBQPPL của bộ trong năm; - Danh mục tình hình, kết quả xây dựng VBQPPL. Thống kê cụ thể danh mục, tình hình và kết quả xây dựng

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	được phê duyệt	<p>quyền trong năm.</p> <p>Đối với VBQPPL ban hành theo thẩm quyền: Thời điểm hoàn thành là thời điểm được xác định theo kế hoạch/chương trình xây dựng văn bản của Bộ.</p> <p>Đối với VBQPPL do bộ được giao chủ trì soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền ban hành: Thời gian hoàn thành được tính từ thời điểm trình cấp có thẩm quyền ban hành.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số VBQPPL đã được ban hành theo thẩm quyền hoặc đã trình cấp có thẩm quyền ban hành so với tổng số VBQPPL dự kiến ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành. Nếu:</p> <p>+ Hoàn thành 100% kế hoạch, đúng tiến độ được giao thì điểm đánh giá là 2;</p> <p>+ Hoàn thành 100% kế hoạch, nhưng có văn bản hoàn thành muộn so với tiến độ được giao thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>+ Hoàn thành từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>+ Hoàn thành dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>của các VBQPPL sau:</p> <p>(1) VBQPPL được giao theo Quyết định của TTg về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm.</p> <p>(2) VBQPPL được giao theo Quyết định của TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết.</p> <p>(3) VBQPPL được giao theo chương trình công tác năm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>(4) VBQPPL theo chương trình của bộ.</p> <p>(5) Trường hợp VBQPPL có lý do để điều chỉnh thời điểm trình, thời điểm ban hành, đề nghị các bộ bổ sung kèm theo các văn bản làm căn cứ điều chỉnh.</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
9.	TCTP 2.2.1 - Thực hiện các hoạt động về TDTHPL	<p>- Nếu thực hiện đầy đủ 03 hoạt động TDTHPL theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành thì điểm đánh giá là 1, cụ thể như sau:</p> <p>+ Có thực hiện thu thập thông tin về tình hình thi hành pháp luật thi</p>	<p>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của bộ hoặc Báo cáo công tác tư pháp năm của bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>được 0.25 điểm;</p> <p>+ Có thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm;</p> <p>+ Có thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật thì được CỘNG THÊM 0.25 điểm.</p> <p>- Nếu hoạt động nào không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với hoạt động đó.</p>	
10.	TCTP 2.2.2 - Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	<p>- Yêu cầu: Căn cứ kết quả thu thập thông tin, kết quả kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật, các bộ xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p> <p>- Nếu ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.5; không ban hành đầy đủ văn bản xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả TDTHPL theo thẩm quyền thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật của bộ hoặc Báo cáo công tác tư pháp năm của bộ;</p> <p>- Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
11.	TCTP 2.3.1 - Thực hiện công bố danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	<p>- Yêu cầu: Ban hành văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Nếu công bố kịp thời, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Nếu công bố không kịp thời hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	Các văn bản công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực
12.	TC 2.3.2 - Kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	<p>- Yêu cầu: Lập danh mục tổng số văn bản cần phải xử lý sau rà soát, cụ thể gồm:</p> <p>+ Các văn bản cần phải xử lý qua kết quả rà soát của bộ thực hiện;</p> <p>+ Các văn bản cần phải xử lý do các bộ, cơ quan khác rà soát và kiến nghị xử lý.</p> <p>- Thống kê:</p> <p>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý (a).</p>	<p>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của bộ hoặc Báo cáo công tác tư pháp năm của bộ;</p> <p>- Danh mục tổng hợp các văn bản cần xử lý sau rà soát và kèm theo tiến độ, kết quả xử lý các văn bản trên, cụ thể:</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý theo thẩm quyền hoặc đã kiến nghị cơ quan/cá nhân có thẩm quyền xử lý (b).</p> <p>+ Số văn bản đã xử lý theo thẩm quyền nhưng chưa hoàn thành và số văn bản chưa kiến nghị xử lý (c).</p> <p><i>Những văn bản thuộc thẩm quyền của bộ nhưng chưa hoàn thành việc xử lý do yếu tố khách quan, đề nghị có giải trình lý do từng trường hợp cụ thể.</i></p> <p>- Trường hợp có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 1.0 + (c/a) * 0.5$</p> <p>- Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau rà soát thì điểm đánh giá là 1.</p>	<p>(1) Danh mục văn bản cần xử lý được tổng hợp từ kết quả rà soát của bộ.</p> <p>(2) Danh mục văn bản cần xử lý do các bộ, cơ quan khác rà soát và kiến nghị bộ xử lý.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
13.	TCTP 2.4.1 - Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	<p>Tính tỷ lệ % giữa số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền so với tổng số văn bản thuộc thẩm quyền kiểm tra của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 80% - 100% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Từ 60% - dưới 80% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.25;</p> <p>- Dưới 60% số văn bản thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của bộ hoặc Báo cáo công tác tư pháp năm của bộ;</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
14.	TCTP 2.4.2 - Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị	<p>- Yêu cầu: Lập danh mục các văn bản do bộ ban hành hoặc tham mưu ban hành cần phải xử lý sau kiểm tra đã được các bộ, cơ quan khác kiểm tra, kết luận và kiến nghị xử lý.</p> <p>- Thống kê:</p> <p>+ Tổng số văn bản cần phải xử lý (a)</p> <p>+ Số văn bản đã hoàn thành việc xử lý (b)</p> <p>+ Số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (c).</p> <p>- Trường hợp có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 1.5 + (c/a) * 1$</p> <p>- Trường hợp không có văn bản phải xử lý sau kiểm tra thì điểm đánh giá là 1.5.</p>	<p>- Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát VBQPPL của bộ hoặc Báo cáo công tác tư pháp năm của bộ;</p> <p>- Danh mục các văn bản trái pháp luật do bộ ban hành hoặc tham mưu ban hành được các bộ, cơ quan khác kiểm tra, kết luận và kiến nghị xử lý, kèm theo tiến độ, kết quả xử lý theo thẩm quyền.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tư pháp (do Bộ Tư pháp cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
15.	TCTP 2.5.1 - Mức độ hoàn	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với</p>	<p>- Kế hoạch thanh tra;</p> <p>- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	thành kế hoạch thanh tra	tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0.5; - Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.25; - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.	thanh tra.
16.	TCTP 2.5.2 - Theo dõi, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	- Yêu cầu thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo dõi, đơn đốc và kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra theo quy định tại Điều 22, 23, 24 Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Các quyết định kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra của bộ; - Báo cáo kết quả kiểm tra.
17.	TC 2.6 - Trả lời kiến nghị của cá nhân, tổ chức đề tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến thể chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của bộ	- Thống kê: + Tổng số kiến nghị phải trả lời (a); + Số kiến nghị đã được trả lời (b); + Số kiến nghị đang trả lời (c). - Trường hợp có kiến nghị phải trả lời thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 1.0 + (c/a) * 0.5$ - Trường hợp không có kiến nghị phải trả lời ($a = 0$) thì điểm đánh giá là 1.	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, kiểm tra của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ. - Danh mục kiến nghị đã tiếp nhận trong năm, kèm theo tiến độ, kết quả trả lời.
18.	TCTP 3.1.1 - Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	Nếu trong năm bộ không ban hành các quy định TTHC (<i>nội dung TTHC, thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai, điều kiện thực hiện TTHC...</i>) trái với thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu có ban hành các quy định TTHC trái thẩm quyền được giao thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
19.	TCTP 3.1.2 - Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt: - 100% thì điểm đánh giá là 0.5; - Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
20.	TCTP 3.1.3 - Xử lý các vấn	Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề đã được xử lý hoặc kiến nghị xử lý so	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	đề phát hiện qua rà soát	<p>với tổng số vấn đề phát hiện qua rà soát. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{(\text{Tỷ lệ \% số vấn đề được xử lý/kiến nghị xử lý}) \times 1.50}{100\%} \right];$ - Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0. 	<p>của bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
21.	TCTP 3.2.1 - Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Các quyết định công bố phải được ban hành chậm nhất trước 20 (hai mươi) ngày làm việc tính đến ngày VBQPPL có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Trường hợp VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành thì quyết định công bố TTHC phải được ban hành chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành VBQPPL có quy định về TTHC. - Nếu 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0.5. - Nếu dưới 100% số TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của bộ được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc mới ban hành trong năm được công bố kịp thời thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
22.	TCTP 3.2.2 - Nhập, đăng tải TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: TTHC phải được nhập, đăng tải công khai vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố hoặc chậm nhất là 02 ngày làm việc kể từ ngày ký quyết định công bố đối với các TTHC quy định trong VBQPPL được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành. - Nếu 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC thì điểm đánh giá là 0.5; nếu dưới 100% TTHC được nhập, đăng tải công khai kịp thời thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
23.	TCTP 3.2.3 - Công bố quy trình nội bộ giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Ban hành quy trình nội bộ của từng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ- 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	TTHC	CP và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP. - Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết bộ đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 1; - Nếu từ 80% - dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết bộ đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu dưới 80% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết bộ đã được công bố quy trình nội bộ thì điểm đánh giá là 0.	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp). - Quyết định ban hành quy trình nội bộ giải quyết TTHC do Bộ, cơ quan cung cấp.
24.	TCTP 3.2.4 - Công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ	- Yêu cầu đối với việc công khai TTHC là: Đầy đủ thông tin (các bộ phận cấu thành TTHC); đúng quy định (thường xuyên, rõ ràng, đúng địa chỉ, dễ tiếp cận, dễ khai thác, dễ sử dụng). - Yêu cầu đối với công khai tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC là: Đầy đủ, kịp thời. - Nếu đáp ứng tất cả các yêu cầu về công khai TTHC, công khai kết quả giải quyết hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 1, cụ thể cho từng nội dung công khai như sau: + 100% số TTHC được niêm yết công khai đúng quy định tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ trực tiếp tiếp nhận và giải quyết thì được 0.25 điểm; + 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ được công khai đúng quy định trên Cổng TTĐT của bộ thì được CỘNG THÊM 0.25 điểm; + Tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời trên Cổng TTĐT hoặc Cổng dịch vụ công của bộ thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm. - Nếu nội dung nào không đáp ứng được yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm của nội dung đó.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ. Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp). - Kết quả kiểm tra trực tiếp trên website.
25.	TCTP 3.3.1 - Thành lập và vận hành Bộ phận Một cửa	- Nếu đã thành lập và vận hành đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu đã thành lập nhưng vận hành chưa đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		- Nếu chưa thành lập thì điểm đánh giá là 0.	- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
26.	TCTP 3.3.2 - Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	- Nếu 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ đã thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì điểm đánh giá là 0.5. - Nếu dưới 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ đã thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ. - Quyết định công bố danh mục TTHC tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
27.	TCTP 3.3.3 - Công bố nhóm TTHC liên thông trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý	- Yêu cầu: Công bố TTHC hoặc nhóm TTHC liên thông theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Điều 4, Thông tư 01/2018/TT-VPCP. (Trường hợp đã rà soát nhưng không có nhóm TTHC liên thông phải công bố, đề nghị có giải trình cụ thể). - Nếu đã rà soát, công bố và cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu chưa rà soát, công bố hoặc không cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ; - Quyết định công bố TTHC liên thông; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp).
28.	TCTP 3.4.1 - Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn so với tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 95 % - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{Tỷ\ lệ\ \% \ hồ\ sơ\ đúng\ hạn \times 2.00}{100\%} \right]$; - Dưới 95% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Văn phòng Chính phủ (do Văn phòng Chính phủ cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
29.	TCTP 3.4.2 - Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	- Nếu thực hiện việc xin lỗi đầy đủ, đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu thực hiện việc xin lỗi không đầy đủ hoặc không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. Trường hợp không có hồ sơ TTHC giải quyết trễ hẹn trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.5 điểm.	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ - Những trường hợp để xảy ra trễ hẹn nhưng lỗi không phải do cơ quan nhà nước thì phải có giải trình cụ thể từng trường hợp.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
30.	TCTP 3.4.3 - Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐCP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP. - Nếu 100% cơ quan, đơn vị thuộc bộ đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu từ 80% - dưới 100% cơ quan, đơn vị thuộc bộ đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu dưới 80% cơ quan, đơn vị thuộc bộ đạt điểm đánh giá từ tốt trở lên thì điểm đánh giá là 0; - Nếu thực hiện việc đánh giá và công khai kết quả đánh giá không đúng theo quy định thì điểm đánh giá là 0 đối với cả TCTP này. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả công khai trên Cổng Dịch vụ công của bộ; - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC của bộ; - TLKC khác (nếu có).
31.	TCTP 3.5.1 - Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê: + Tổng số PAKN phải trả lời (a); + Số PAKN đã được trả lời (b); + Số PAKN đang trả lời (c). - Trường hợp có PAKN phải trả lời thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 0.75 + (c/a) * 0.25$ - Trường hợp không có PAKN phải trả lời ($a = 0$) thì điểm đánh giá là 0.75. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo công tác kiểm soát TTHC hoặc Báo cáo CCHC năm của bộ. - Danh mục PAKN liên quan đến quy định TTHC đã tiếp nhận trực tiếp và PAKN do Văn phòng Chính phủ tiếp nhận, yêu cầu bộ giải quyết. - Kết quả theo dõi trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý PAKN của Chính phủ. - TLKC khác (nếu có).
32.	TCTP 3.5.2 - Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ. - Kiểm tra trực tiếp trên website; - TLKC khác (nếu có).
33.	TCTP 4.1.1 - Sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Triển khai các nội dung về sắp xếp, kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, đơn vị theo các nghị định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 5036/BNV-TCBC ngày 24/9/2020 và các văn bản khác có liên quan. - Nếu đã triển khai đúng quy định thì điểm đánh giá là 1; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc Báo cáo chuyên đề đánh giá về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		- Nếu chưa triển khai trong năm đánh giá hoặc triển khai không đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.	- TLKC khác (nếu có).
34.	TCTP 4.1.2 - Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	<p>- Yêu cầu: Cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ được thực hiện theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, Nghị định số 101/2020/NĐ-CP và các văn bản có liên quan.</p> <p>+ Đối với các vụ, cục, tổng cục và tương đương: Số lượng cấp phó của người đứng đầu các vụ, cục và tương đương bình quân không quá 03 người; số lượng cấp phó của người đứng đầu tổng cục không quá 04 người.</p> <p>+ Đối với các tổ chức bên trong cục, tổng cục và tương đương: Số lượng cấp phó của người đứng đầu các đơn vị này thực hiện theo quy định tại Nghị định 101/2020/NĐ-CP.</p> <p>- Nếu 100% vụ, cục, tổng cục và tương đương có số lượng cấp phó đáp ứng yêu cầu nêu trên thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Nếu 100% các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương đáp ứng yêu cầu trên thì CỘNG THÊM 1 điểm.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc Báo cáo chuyên đề đánh giá về công tác sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của bộ.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</p>
35.	TCTP 4.2.1 - Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	Nếu số lượng biên chế hành chính của bộ đang sử dụng không vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số biên chế hành chính được giao thì điểm đánh giá là 0.	<p>- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</p>
36.	TCTP 4.2.2 - Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	<p>- Yêu cầu: Thống kê tổng số người làm việc thực tế (đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước) tại các đơn vị SNCL thuộc bộ so với tổng số người làm việc tại các đơn vị SNCL thuộc bộ được cấp có thẩm quyền giao theo quy định.</p> <p>Nếu số lượng người làm việc thực tế tại các đơn vị SNCL thuộc bộ không vượt quá tổng số lượng người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.5; nếu sử dụng vượt quá so với tổng số người làm việc được giao thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo thống kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</p>
37.	TCTP 4.2.3 - Tỷ lệ giảm	Thống kê tổng số biên chế hành chính được giao của năm 2015.	- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	biên chế so với năm 2015	<p>Thông kê tổng số biên chế hành chính thực tế của năm đánh giá. Tính tỷ lệ % giảm số lượng biên chế hành chính thực tế của năm đánh giá so với số lượng biên chế hành chính được giao của năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1.5; - Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm biên chế} \times 1.50}{10\%} \right]$ 	<p>cáo thông kê về tình hình, kết quả sử dụng biên chế trong năm đánh giá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).
38.	TCTP 4.3.1 - Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu có thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu không thực hiện theo quy định thì điểm đánh giá là 0. 	Các kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực đã phân cấp.
39.	TCTP 4.3.2 - Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	<p>Tính tỷ lệ % giữa số vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra đã được xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý so với tổng số vấn đề phát hiện qua kiểm tra (bất cập, vướng mắc, vi phạm...). Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 100% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo kết luận thanh tra, kiểm tra đối với các lĩnh vực đã phân cấp. - Các văn bản xử lý những vấn đề phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.
40.	TCTP 5.1.1 - Ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm và định mức biên chế công chức theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. - Nếu đã có dự thảo thông tư hướng dẫn và hoàn thành việc xin ý kiến các cơ quan có liên quan thì điểm đánh giá là 0.25 - Nếu chưa có dự thảo hoặc chưa hoàn thành việc xin ý kiến các cơ quan có liên quan thì điểm đánh giá là 0 	Các văn bản hướng dẫn
41.	TCTP 5.1.2 - Ban hành văn bản để hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 62/2020/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. - Nếu đã ban hành đầy đủ, kịp thời thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu đã ban hành nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa kịp thời thì điểm 	- Các văn bản hoàn thiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		đánh giá là 0.25 - Nếu chưa ban hành thì điểm đánh giá là 0	
42.	TCTP 5.1.3 - Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>- Yêu cầu: Các cơ quan, tổ chức hành chính của bộ phải bố trí công chức theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tương ứng với bản mô tả công việc, khung năng lực của từng vị trí.</p> <p>Cơ quan, tổ chức nào chưa hoàn thành việc phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm thì coi như chưa thực hiện đúng quy định.</p> <p>- Tính tỷ lệ % số cơ quan, tổ chức thực hiện đúng quy định trên so với tổng số cơ quan, tổ chức hành chính của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.25; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của bộ. - Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (Bộ Nội vụ có thể yêu cầu gửi thêm khi cần thiết). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).
43.	TCTP 5.1.4 - Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	<p>- Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ phải thực hiện đúng các quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục vị trí việc làm; + Hoàn thiện việc xây dựng bản mô tả công việc và khung năng lực cho từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt; + Bố trí viên chức đúng theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí. <p>- Tính tỷ lệ % số đơn vị thực hiện đúng các quy định trên so với tổng số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 100% thì điểm đánh giá là 0.75; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.25; + Dưới 60% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo CCHC năm của bộ. - Gửi đại diện Bản mô tả công việc, Khung năng lực của ít nhất 05 vị trí việc làm khác nhau (Bộ Nội vụ có thể yêu cầu gửi thêm khi cần thiết). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).
44.	TCTP 5.2.1 - Thực hiện	- Yêu cầu: Việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ	<p>bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; dưới 100% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển. - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...). - TLKC khác (nếu có).
45.	TCTP 5.2.2 - Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc tuyển dụng viên chức phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Nếu 100% số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; dưới 100% số đơn vị thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tuyển dụng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; + Nếu kết quả của kỳ tuyển dụng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.5, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo tuyển dụng, người đủ điều kiện dự tuyển. - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ tuyển dụng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng...). - TLKC khác (nếu có).
46.	TCTP 5.3.1 - Thực hiện quy định về thi nâng ngạch	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc tổ chức thi nâng ngạch công chức theo thẩm quyền của bộ (hoặc được ủy quyền) phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo thi nâng ngạch, người đủ điều kiện dự thi. - Các văn bản liên quan đến tổ chức

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
	công chức	<p>thời gian quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ thi gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25; + Nếu kết quả của kỳ thi gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.25, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<p>kỳ thi (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...).</p> <ul style="list-style-type: none"> - TLKC khác (nếu có).
47.	TCTP 5.3.2 - Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc tổ chức thi/xét thăng hạng viên chức theo thẩm quyền phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Luật Viên chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. - Trường hợp trong năm không tổ chức thi/xét thăng hạng thì đánh giá dựa trên kết quả của kỳ thi/xét thăng hạng gần nhất. + Nếu kết quả của kỳ thi/xét thăng hạng gần nhất đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.25; + Nếu kết quả của kỳ thi/xét thăng hạng gần nhất có sai phạm thì điểm đánh giá cho năm đầu tiên là 0; từ những năm đánh giá sau, nếu 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0.25, dưới 100% sai phạm được xử lý thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các thông báo thi/xét thăng hạng, người đủ điều kiện dự thi/xét. - Các văn bản liên quan đến tổ chức kỳ thi/xét thăng hạng (thành lập hội đồng, phê duyệt kết quả thi, quyết định bổ nhiệm ngạch...). - TLKC khác (nếu có).
48.	TC 5.4 - Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc bổ nhiệm phải tuân thủ đúng quy trình, tiêu chuẩn bằng cấp và chuyên môn nghiệp vụ theo quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành. - Thống kê danh sách số lãnh đạo cấp vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm trong năm; danh sách lãnh đạo tại các tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định bổ nhiệm. - Báo cáo đánh giá kết quả việc bổ nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý trong năm. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm trong năm.</p> <p>- Nếu 100% số lãnh đạo cấp vụ, cục tổng cục và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì được 0.5 điểm; nếu 100% số lãnh đạo tại các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định thì được CỘNG THÊM 0.5 điểm.</p> <p>Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0 điểm tương ứng với thang điểm đánh giá đó.</p>	<p>- TLKC khác (nếu có).</p>
49.	TCTP 5.5.1 - Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	<p>- Yêu cầu: Thực hiện đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo đúng quy định tại Nghị định 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ.</p> <p>- Nếu thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; không thực hiện đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả đánh giá, phân loại công chức, viên chức của bộ.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</p>
50.	TCTP 5.5.2 - Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	<p>- Yêu cầu: Thống kê tổng số cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật trong năm, nêu rõ hình thức kỷ luật đối với từng cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>- Nếu trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo bộ bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá là 1;</p> <p>- Nếu trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo vụ, cục, tổng cục và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0.5 điểm;</p> <p>- Nếu trong năm KHÔNG CÓ lãnh đạo của các tổ chức bên trong vụ, cục, tổng cục và tương đương bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên thì điểm đánh giá được CỘNG THÊM 0.5 điểm.</p>	<p>- Báo cáo CCHC năm của bộ hoặc báo cáo về tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức trong năm.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Nội vụ (do Bộ Nội vụ cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
51.	TC 5.6 - Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	<p>Tính tỷ lệ % giữa số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ/sản phẩm trong kế hoạch. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>- Từ 80% - 100% thì điểm đánh giá được tính theo công thức</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% hoàn thành} \times 1.00}{100\%} \right]$ <p>- Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm.</p> <p>- Báo cáo công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức của bộ.</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
52.	TCTP 6.1.1 - Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước	Tính tỷ lệ % giữa số tiền NSNN đã giải ngân so với tổng số tiền NSNN phải giải ngân theo kế hoạch. Điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH đầu tư vốn NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hàng năm của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
53.	TCTP 6.1.2 - Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1. - Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại bộ hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có). - Kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Tài chính. - TLKC khác (nếu có).
54.	TCTP 6.1.3 - Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	<p>Thống kê tổng số tiền phải nộp NSNN đã được Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước hoặc cơ quan Trung ương có thẩm quyền chỉ ra sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách tại bộ trong 02 năm gần nhất (ví dụ: Đánh giá cho năm 2020 thì thống kê tổng số các kiến nghị được chỉ ra từ kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước trong các năm 2019, 2020).</p> <p>Điểm đánh giá được tính theo công thức:</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số tiền đã nộp NSNN} \times 1.00}{100\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> - Các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại bộ trong 2 năm gần nhất. - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của bộ. - Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị. - Kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Tài chính (Kho bạc Nhà nước). - TLKC khác (nếu có).
55.	TCTP 6.2.1 - Ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của bộ về quản lý, sử dụng tài sản công	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo nội dung và công khai theo quy định, cụ thể: + Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng: Điều 8 Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của 	<ul style="list-style-type: none"> Các quy định đã ban hành và đường link văn bản đã công khai trên website

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.</p> <p>+ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng ô tô chuyên dùng: Điều 18 Nghị định 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.</p> <p>+ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng: Điều 7, Điều 9 Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.</p> <p>+ Quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình: Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.</p> <p>- Nếu ban hành văn bản và công khai đầy đủ theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5;</p> <p>- Nếu chưa ban hành đầy đủ hoặc chưa công khai đầy đủ văn bản theo quy định thì điểm đánh giá là 0.25;</p> <p>- Nếu chưa ban hành văn bản nào theo quy định trên thì điểm đánh giá là 0</p>	
56.	TCTP 6.2.2 - Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	<p>- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đối tượng phải ban hành Quy chế gồm các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ có con dấu, tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước và được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>+ Thống kê các cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng phải ban hành Quy chế thuộc phạm vi quản lý của bộ có con dấu, tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước và được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>+ Thống kê số cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của bộ đã ban hành Quy chế.</p>	<p>- Bảng thống kê danh mục các cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng phải ban hành Quy chế thuộc phạm vi quản lý của bộ có con dấu, tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước và được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.</p> <p>- Bảng thống kê danh mục các Quy chế đã ban hành (nêu rõ tên văn bản, số ký hiệu, cơ quan ban hành và thời gian ban hành).</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<ul style="list-style-type: none"> - Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã ban hành trong tổng số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi đánh giá. Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.5; + Từ 80% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0.25; + Dưới 80% số cơ quan, đơn vị thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công (Đối với bộ có từ 15 cơ quan, tổ chức, đơn vị trở lên thì gửi đại diện 10 – 15 Quy chế); - Kết quả theo dõi, đánh giá của Bộ Tài chính. - TLKC khác (nếu có).
57.	TCTP 6.2.3 - Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Tính tỷ lệ % số cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý. Nếu tỷ lệ này đạt: - Từ 80% trở lên thì điểm đánh giá là 0.75; - Từ 60% - dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.5; - Từ 50% - dưới 60% thì điểm đánh giá là 0.25; - Dưới 50% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Về số liệu cơ sở nhà, đất phải sắp xếp: Sử dụng số liệu trên Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản công. - Về kết quả sắp xếp: Báo cáo tình hình sắp xếp lại, xử lý nhà, đất kèm theo văn bản phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất. - TLKC khác (nếu có).
58.	TCTP 6.2.4 - Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành (có thể lồng ghép trong các Kế hoạch kiểm tra chung nhưng phải thể hiện rõ nội dung kiểm tra về việc thực hiện các quy định về quản lý tài sản công). - Nếu có kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu không kiểm tra trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0. 	Kế hoạch kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra; Thông báo kết luận kiểm tra.
59.	TCTP 6.3.1 - Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu trong năm đánh giá, CÓ THÊM từ 02 đơn vị SNCL thuộc bộ trở lên tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên (hoặc tất cả đơn vị SNCL thuộc bộ đã tự chủ 100% chi thường xuyên) thì điểm đánh giá là 1; - Nếu trong năm đánh giá, CÓ THÊM 01 đơn vị SNCL thuộc bộ tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 0.5; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc bộ hoặc các báo cáo có thể hiện nội dung theo yêu cầu của tiêu chí: có thêm đơn vị SNCL tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên (hoặc tất cả đơn vị SNCL thuộc bộ đã tự chủ 100% chi

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>- Nếu trong năm đánh giá, KHÔNG CÓ THÊM đơn vị SNCL thuộc bộ tăng tỷ lệ % tự chủ chi thường xuyên thì điểm đánh giá là 0.</p> <p>Ví dụ: Nếu trong năm 2018, Bộ A có 05 đơn vị SNCL đều tự chủ 40% chi thường xuyên (tính trong tổng kinh phí hoạt động). Năm 2019, trong 05 đơn vị đó, có 01 đơn vị đạt mức tự chủ 100% chi thường xuyên, 01 đơn vị tăng mức độ tự chủ chi thường xuyên lên 50% (tăng 10% so với năm 2018); các đơn vị còn lại giữ nguyên mức độ tự chủ. Như vậy, trong năm 2019, Bộ A đã CÓ THÊM 02 đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ chi thường xuyên. Đối chiếu với thang điểm đánh giá thì Bộ A đạt điểm tối đa ở TCTP này (1 điểm).</p>	<p>thường xuyên);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản giao tự chủ tài chính đối với các đơn vị SNCL của năm đánh giá và năm trước liền kề; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp).
60.	TCTP 6.3.2 - Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL.	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 1; - Nếu có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc bộ hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá; - Các kết luận của các cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền (nếu có). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
61.	6.3.3 - Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị SNCL so với năm 2015	<p>Xác định tỷ lệ % giảm chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn vị SNCL thuộc bộ trong năm đánh giá so với năm 2015. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ 10% trở lên thì điểm đánh giá là 1; - Dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% giảm chi ngân sách} \times 1.00}{10\%} \right]$ <p>Ví dụ: Tổng chi trực tiếp ngân sách nhà nước (chi thường xuyên) cho đơn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp thuộc bộ. - Báo cáo thể hiện số liệu về việc sử dụng ngân sách, chi ngân sách của các đơn vị SNCL thuộc bộ của năm 2015 và năm đánh giá (thể hiện rõ về kinh phí sử dụng từ nguồn ngân sách nhà nước). - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Tài chính (do Bộ Tài chính cung cấp).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		vị SNCL thuộc Bộ A năm 2015 là 120 tỷ đồng, năm 2018 là 115 tỷ đồng. Như vậy, mức chi trực tiếp ngân sách nhà nước cho đơn vị SNCL trong năm 2018 đã giảm 5 tỷ đồng, tương ứng với tỷ lệ % là $(05/120) \times 100\% = 4.167\%$ so với năm 2015 (<10%). Đối chiếu với thang điểm đánh giá thì điểm cho Bộ A ở TCTP này được tính theo công thức nêu trên, kết quả như sau: $\left[\frac{4.167\% \times 1.00}{10\%} \right] = 0.4167 \text{ điểm}$	
62.	TCTP 7.1.1 - Triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Ban hành Kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. - Nếu đã ban hành Kiến trúc và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; nếu đã chưa ban hành Kiến trúc hoặc đã ban hành nhưng không tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
63.	TCTP 7.1.2 - Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ (LGSP)	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu đã xây dựng, vận hành và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu đã xây dựng, vận hành nhưng chưa kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu chưa xây dựng xong thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
64.	TCTP 7.1.3 - Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê: + Tổng số văn bản đi (trừ văn bản mật) (a); + Số văn bản đi, được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (b); + Số văn bản đi, được gửi dưới dạng điện tử song song với bản giấy (c). - Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) \times 1.0 + (c/a) \times 0.5$. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ. - TLKC khác (nếu có).
65.	TCTP 7.1.4 - Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng	<ul style="list-style-type: none"> - Tính tỷ lệ % giữa số văn bản, hồ sơ công việc thực hiện trên môi trường mạng và tổng số văn bản, hồ sơ công việc của bộ trong năm đánh giá. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 80% số văn bản, hồ sơ công việc trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ. - TLKC khác (nếu có).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		+ Từ 50% - dưới 80% số văn bản, hồ sơ công việc trở lên thì điểm đánh giá là 0.25; + Dưới 50% số văn bản, hồ sơ công việc trở lên thì điểm đánh giá là 0.	
66.	TCTP 7.1.5 - Tỷ lệ gửi, nhận văn bản điện tử 4 cấp chính quyền	- Thống kê tổng số đơn vị thuộc bộ phải thực hiện kết nối theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Nếu: + 100% đơn vị thuộc bộ đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.5; + Từ 50% - dưới 100% đơn vị thuộc bộ đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.25 + Dưới 50% đơn vị thuộc bộ đã kết nối thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ. - TLKC khác (nếu có).
67.	TCTP 7.1.6 - Thiết lập Hệ thống thông tin một cửa điện tử	- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP, Thông tư 01/2018/TT-VPCP và các văn bản hướng dẫn có liên quan - Nếu Hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ có đầy đủ chức năng theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu Hệ thống thông tin một cửa điện tử của bộ chưa đầy đủ chức năng theo quy định thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu chưa thiết lập Hệ thống thì điểm đánh giá là 0	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ. - TLKC khác (nếu có).
68.	TCTP 7.1.7 - Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ	- Nếu đã kết nối liên thông với 100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC thuộc bộ thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu đã kết nối liên thông từ 50% - dưới 100% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC thuộc bộ thì điểm đánh giá là 0.25 - Nếu đã kết nối dưới 50% đơn vị có chức năng giải quyết TTHC thuộc bộ thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ. - TLKC khác (nếu có).
69.	TCTP 7.1.8 - Xây dựng, vận hành Cổng dịch vụ công (DVC)	- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP, Thông tư 01/2018/TT-VPCP và các văn bản hướng dẫn có liên quan - Nếu Cổng dịch vụ công đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định VÀ tích hợp đầy đủ DVC trực tuyến mức độ 3, 4 theo danh mục được phê duyệt thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu Cổng dịch vụ công CHƯA đáp ứng đầy đủ các chức năng,	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ; - TLKC khác (nếu có).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		yêu cầu kỹ thuật theo quy định HOẶC CHƯA tích hợp đầy đủ DVC trực tuyến mức độ 3, 4 thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu chưa xây dựng Công dịch vụ công thì điểm đánh giá là 0.	
70.	TCTP 7.1.9 - Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 của bộ được tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia	- Thống kê: + Tổng số DVC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của bộ (a). + Số DVC đã tích hợp, cung cấp trên Cổng DVC quốc gia (b). + Số DVC đã hoàn thiện tái cấu trúc quy trình nhưng chưa tích hợp, cung cấp (c). - Điểm đánh giá được tính theo công thức: $(b/a) * 1.0 + (c/a) * 0.5$	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ; - TLKC khác (nếu có).
71.	TCTP 7.1.10 - Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo cấp bộ	- Yêu cầu: Các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của Hệ thống thông tin báo cáo phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông. - Nếu đã xây dựng, đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.5 - Nếu đã xây dựng nhưng chưa đáp ứng đầy đủ chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định thì điểm đánh giá là 0.25; - Nếu chưa xây dựng thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ; - TLKC khác (nếu có).
72.	TCTP 7.1.11- Tỷ lệ kết nối chế độ báo cáo của Bộ, cơ quan với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	- Yêu cầu: Thống kê danh mục các báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của bộ. Tính tỷ lệ % giữa số lượng báo cáo định kỳ đã kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ so với tổng số báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của bộ. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 30% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5 + Từ 10% - dưới 30% thì điểm đánh giá là 0.25 + Dưới 10% thì điểm đánh giá là 0.	- Báo cáo của bộ và kết quả theo dõi, đánh giá của Văn phòng Chính phủ; - TLKC khác (nếu có).
73.	TCTP 7.2.1 - Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ	- Yêu cầu: Thống kê tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm đánh giá. - Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến so với tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 (<i>Các TTHC</i>	- Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ. - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ.

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<p>đã cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 mà trong năm không phát sinh hồ sơ cả trực tuyến và trực tiếp thì không thuộc phạm vi thống kê).</p> <p>Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ 50% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 50% số TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức: $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số TTHC mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ} \times 0.50}{50\%} \right]$	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
74.	TCTP 7.2.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3 và 4	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đánh giá: Các TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ. Trường hợp bộ có triển khai phần mềm trực tuyến đến các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thì chỉ thống kê hồ sơ của các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại bộ và các đơn vị trực thuộc bộ. Các hồ sơ TTHC do cơ quan chuyên môn cấp tỉnh tiếp nhận và giải quyết thông qua phần mềm của bộ sẽ được tính điểm cho cấp tỉnh. Ví dụ: Thủ tục Cấp phép lái xe thuộc thẩm quyền giải quyết của cả cấp bộ (Tổng cục Đường bộ Việt Nam) và cấp tỉnh (Sở Giao thông vận tải); đồng thời được cung cấp trực tuyến thông qua phần mềm do Bộ Giao thông vận tải xây dựng và triển khai. Do vậy, đối với TTHC này, chỉ những hồ sơ do Tổng cục Đường bộ Việt Nam tiếp nhận và giải quyết mới được thống kê, tính điểm cho Bộ Giao thông vận tải. - Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none"> + Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4. + Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả trực tuyến và truyền thống). Nếu tỷ lệ này đạt: <ul style="list-style-type: none"> + Từ 20% trở lên thì điểm đánh giá là 1; 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả UDCNTT của bộ; - Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp). - TLKC khác (nếu có).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
75.	TCTP 7.3.1 - Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	<p>+ Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá được tính theo công thức $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ} \times 1.00}{20\%} \right]$.</p> <p>- Yêu cầu: Thống kê danh mục TTHC đang triển khai tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ tiếp nhận/trả kết quả qua dịch vụ BCCI.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI (tiếp nhận/trả kết quả hoặc cả hai) so với tổng số TTHC đang triển khai thực hiện. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ Từ 50% trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 50% số TTHC có phát sinh hồ sơ thì điểm đánh giá tính theo công thức:</p> $\left[\frac{\text{Tỷ lệ \% số hồ sơ phát sinh} \times 0.50}{50\%} \right]$	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
76.	TCTP 7.3.2 - Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</p> <p>+ Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên.</p> <p>+ Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ đạt:</p> <p>+ Từ 5% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 5% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp).</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>
77.	TCTP 7.3.3 - Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	<p>- Yêu cầu:</p> <p>+ Thống kê số TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ.</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định 45/2016/QĐ-TTg.</p>

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
		<ul style="list-style-type: none"> + Thống kê tổng số hồ sơ TTHC trong năm đã được trả kết quả giải quyết của các TTHC nêu trên (bao gồm trả qua dịch vụ BCCI và trả qua hình thức khác). + Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên. - Tính tỷ lệ % giữa số hồ sơ đã được trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI so với tổng số hồ sơ đã trả kết quả giải quyết trong năm của các TTHC nêu trên. Nếu tỷ lệ này đạt: + Từ 20% số hồ sơ TTHC trở lên thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 20% số hồ sơ TTHC thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Thông tin và Truyền thông (do Bộ Thông tin và Truyền thông cung cấp). - TLKC khác (nếu có).
78.	TCTP 7.4.1 - Công bố ISO 9001 tại cơ quan bộ	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc công bố ISO 9001 thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 và Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Nếu đã công bố theo đúng quy định thì điểm đánh giá là 0.5; - Nếu chưa công bố hoặc công bố chưa đúng quy định thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định công bố ISO hoặc Báo cáo kết quả thực hiện ISO của bộ. - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ. - TLKC khác (nếu có).
79.	TCTP 7.4.2 - Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ đã công bố ISO 9001 theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu: Việc công bố ISO 9001 thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 và Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ. - Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã công bố ISO 9001 so với tổng số cơ quan hành chính thuộc bộ, gồm: Cục, tổng cục và tương đương thuộc bộ; các cơ quan ngành dọc của bộ đóng tại địa phương (các cục và tương đương). Nếu tỷ lệ này đạt: + 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Từ 90% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.25; + Dưới 90% thì điểm đánh giá là 0. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các quyết định công bố ISO hoặc Báo cáo kết quả thực hiện ISO của bộ; - Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ. - TLKC khác (nếu có).

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Cách chấm điểm	Tài liệu kiểm chứng (TLKC)
80.	TCTP 7.4.3 - Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	<p>- Yêu cầu: Việc duy trì, cải tiến ISO 9001 thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg; Thông tư số 26/2014/TT-BKHHCN ngày 10/10/2014 và Quyết định số 101/QĐ-BKHHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- Tính tỷ lệ % giữa số cơ quan thực hiện đúng quy trình ISO so với tổng số cơ quan đã công bố ISO. Nếu tỷ lệ này đạt:</p> <p>+ 100% thì điểm đánh giá là 1; + Từ 80% - dưới 100% thì điểm đánh giá là 0.5; + Dưới 80% thì điểm đánh giá là 0.</p>	<p>- Báo cáo kết quả thực hiện ISO của bộ.</p> <p>- Kết quả theo dõi, kiểm tra của Bộ Khoa học và Công nghệ.</p> <p>- TLKC khác (nếu có).</p>